

SOLUTIONS TO IMPLEMENT THE OBJECTIVES OF UNIVERSALIZING PRESCHOOL EDUCATION FOR CHILDREN FROM 3 TO 5 YEARS OLD

Nguyen Ba Minh^{*1}, Nguyen Nhu An²

* Corresponding author
Email: nbminh@moet.gov.vn

² Email: nhuan@hnue.edu.vn

^{1,2} Hanoi National University of Education
136 Xuan Thuy, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam

Received: 25/7/2025

Revised: 08/8/2025

Accepted: 20/9/2025

Published: 15/12/2025

Abstract: This study aims to analyze and evaluate the current status of preschool education and propose solutions to universalize preschool education for children aged 3 to 5, as required in Resolution No. 218/2025/QH15 dated June 26, 2025, of the National Assembly on universalizing preschool education for this age group. By analyzing documents and reports from state management agencies, synthesizing statistics, and assessing the difficulties and challenges of preschool education, the study shows that implementing the goals of Resolution No. 218/2025/QH15 will face challenges related to the school network, facilities, teaching staff, mechanisms, policies, and investment resources. The article proposes solutions to universalize preschool education for children aged 3 to 5. These solutions are intended to contribute to the implementation of the Party and State's policy on preschool education in the period up to 2030, with a vision toward 2045.

Keywords: *Preschool children, preschool education, universal preschool education, solutions to universalize education.*

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Bá Minh^{*1}, Nguyễn Như An²

* Tác giả liên hệ
Email: nbminh@moet.gov.vn

² Email: nhuan@hnue.edu.vn

^{1,2} Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
136 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 25/7/2025

Chỉnh sửa xong: 08/8/2025

Chấp nhận đăng: 20/9/2025

Xuất bản: 15/12/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục mầm non và đề xuất giải pháp thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi theo yêu cầu tại Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (Nghị quyết số 218/2025/QH15). Thông qua phân tích các văn bản, báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước, thống kê tổng hợp, đánh giá những khó khăn thách thức của giáo dục mầm non cho thấy việc thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 218/2025/QH15 sẽ gặp những khó khăn, thách thức về mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư. Bài viết đề xuất giải pháp thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 tuổi đến 5 tuổi. Những giải pháp này sẽ góp phần trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục mầm non trong giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

Từ khóa: *Trẻ mẫu giáo, giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục mầm non, giải pháp thực hiện phổ cập giáo dục.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, đã có các bằng chứng khoa học khẳng định ảnh hưởng quyết định của chất lượng giáo dục mầm non đối với sự phát triển của trẻ em. Các nhà tâm lý học phương Tây thực hiện các nghiên cứu và kết luận rằng nếu một người trưởng thành có trí lực đạt 100%, thì lúc 4 tuổi đạt 50%, lúc 8 tuổi đạt 80%, trong 9 năm từ 8 -17 tuổi chỉ phát triển 20% khả

năng còn lại. Lợi ích của giáo dục mầm non còn ảnh hưởng lớn lao đến sức khỏe và hạnh phúc của trẻ em khi trưởng thành, khả năng tham gia thị trường lao động, giảm nghèo và tăng khả năng hoà nhập xã hội (OECD, 2014; Sammons và cộng sự, 2008; Sylva và cộng sự, 2004). Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn tại các nước phát triển đã cho thấy việc đầu tư cho giáo dục mầm non là đầu tư có hiệu quả nhất, mang lại sự

phát triển bền vững của các quốc gia. Việt Nam cam kết thực hiện Công ước Quyền trẻ em, cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, trong đó có mục tiêu 4.2: “Đến năm 2030, đảm bảo tất cả bé trai và gái được tiếp cận giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học có chất lượng, chuẩn bị sẵn sàng cho các em vào tiểu học” (Chính phủ, 2017).

Luật Trẻ em quy định: “Đảm bảo trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình”; “Trong các quyền của trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và quyền được giáo dục, học tập” (Quốc hội, 2016).

Luật Giáo dục quy định: “Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi”; “Phổ cập giáo dục là quá trình tổ chức hoạt động giáo dục để mọi công dân trong độ tuổi đều được học tập và đạt đến trình độ học thuật nhất định theo quy định của pháp luật”, “Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi” (Quốc hội, 2019).

Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đặt ra mục tiêu: “Đến năm 2030: 100% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi” (Quốc hội, 2025).

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển giáo dục mầm non. Qua việc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, giáo dục mầm non từ chỗ còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ, mạng lưới trường lớp chưa được quan tâm quy hoạch, đến nay, đã có bước phát triển khá toàn diện, tạo nền tảng cơ bản để phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Chương trình Giáo dục mầm non được điều chỉnh để phù hợp hơn với thực tiễn, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục mầm non chủ động, linh hoạt tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đáp ứng nhu cầu, khả năng, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ và điều kiện của nhà trường, văn hoá địa phương; kết quả thực hiện thành công mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đã tạo cơ chế, động lực thúc đẩy giáo dục mầm non phát triển, từng bước đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Việc đầu tư cơ sở vật chất trường lớp và đội ngũ giáo viên mầm non ngày càng được quan tâm. Quy mô trường lớp từng bước được mở rộng, đáp ứng ngày càng tốt

hơn nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; các chính sách của Chính phủ như: hỗ trợ tổ chức nấu ăn, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo vùng khó khăn, hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt, hỗ trợ con em công nhân... đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo 2024a).

Tuy nhiên, để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 218/2025/QH15 “Đến năm 2030: 100% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi”, giáo dục mầm non sẽ gặp những khó khăn, thách thức:

- Mạng lưới trường, lớp còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của người dân. Tại các khu vực có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư, phần lớn trẻ em con công nhân, con người lao động đang được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non độc lập với điều kiện về chất lượng còn nhiều hạn chế, không đảm bảo an toàn cho trẻ.

- Tình trạng thiếu giáo viên mầm non kéo dài trong nhiều năm chưa được giải quyết; trong bối cảnh thiếu giáo viên mầm non nhưng các địa phương vẫn thực hiện tinh giản biên chế viên chức là giáo viên mầm non; có tình trạng giáo viên mầm non bỏ việc và nghề giáo viên mầm non càng ngày càng ít hấp dẫn do thu nhập của giáo viên mầm non đang thấp nhất trong các bậc học, trong khi giáo viên mầm non chịu áp lực công việc cao nhất, thời gian làm việc trong ngày tại cơ sở giáo dục mầm non dài nhất (9-10 giờ mỗi ngày); kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non rất hạn chế.

- Cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non còn nhiều khó khăn. Nhiều cơ sở giáo dục mầm non còn phải sử dụng phòng học nhò, học tạm không đảm bảo an toàn; số phòng học kiên cố mới đạt khoảng 82%; thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, đặc biệt là ở những vùng khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Thực trạng đầu tư phát triển giáo dục mầm non hiện nay chưa tương xứng với vị trí, vai trò của bậc học Mầm non là bậc học đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người, có đối tượng giáo dục là trẻ thơ cần được giáo dục nhất và yêu cầu về chất lượng giáo dục cao nhất. Trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông đã được đổi mới, Luật Giáo dục đặt ra những yêu cầu mới đối với Chương trình Giáo

giáo dục mầm non với tư tưởng phải dành những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em - tương lai của đất nước, giáo dục mầm non cần có được những giải pháp đột phá để thay đổi hiện trạng, cần thay đổi quan điểm đầu tư để đổi mới chương trình giáo dục, đảm bảo các điều kiện về đội ngũ giáo viên mầm non, về cơ sở vật chất, trường lớp để mọi trẻ em mầm non có cơ hội tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng.

Trước thực tiễn phát triển giáo dục mầm non, cần nghiên cứu đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi để thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 218/2025/QH15 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp, hồi cứu tài liệu của các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo); tổng hợp, đánh giá kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn của các tổ chức và cá nhân về các vấn đề liên quan; tổng hợp, phân tích các chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non qua hệ thống văn bản được ban hành và thông qua thực tiễn triển khai thực hiện; phân tích, tổng hợp, phân tích các tài liệu của các tác giả trong và ngoài nước về phát triển thực hiện phổ cập giáo dục mầm non.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả phát triển giáo dục mầm non

a. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý để quản lý, phát triển giáo dục mầm non ngày càng hoàn thiện

Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền nhằm thể chế hoá chính sách, cơ chế phát triển giáo dục mầm non. Khung cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non trong các quy định pháp luật đã bao trùm các vấn đề: Chính sách đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non; chính sách đối với trẻ em; chính sách đối với giáo viên mầm non; chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục mầm non dân lập, tư thục và các hình thức xã hội hoá để phát triển giáo dục mầm non; đề cập đến các đối tượng yếu thế, đặc thù phát triển kinh tế xã hội; ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn; chính sách đối với giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động; quy định về công tác quản lý, quy chuẩn

điều kiện thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non; quy định về phân cấp trong hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, quản lý các cơ sở giáo dục mầm non; quy định về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024b).

Các văn bản được ban hành trong thời gian qua đã tạo cơ sở pháp lý để quản lý giáo dục mầm non, định hướng mục tiêu phát triển, bảo đảm các điều kiện, cơ chế chính sách để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non; bổ sung cơ sở vật chất, phát triển và giải quyết khó khăn cho đội ngũ nhằm từng bước mở rộng khả năng thu nhận và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non.

b. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục mầm non và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

- Hoàn thành cơ bản mục tiêu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi vào năm 2017, bảo đảm hầu hết trẻ mẫu giáo 5 tuổi được tới cơ sở giáo dục mầm non, được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo Chương trình Giáo dục mầm non, chuẩn bị các điều kiện cho trẻ em sẵn sàng vào lớp một. Việc thực hiện các cơ chế chính sách phát triển giáo dục mầm non, đặc biệt là việc thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được phê duyệt theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ, các chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo quy định tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP, Nghị định 105/2020/NĐ-CP tạo điều kiện để tăng cường việc huy động trẻ đến trường và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Năm học 2023-2024, toàn quốc huy động 5.122.309 trẻ em đến trường để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình Giáo dục mầm non, tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 93,6% (tăng 11,0% so với năm học 2010-2011), trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,7% (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2025).

- Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ngày càng được cải thiện. Chương trình Giáo dục mầm non có nhiều ưu điểm: Là chương trình mang tính chất khung, tạo cơ hội để đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ; thể hiện được quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm “Chơi mà học, học mà chơi”. Chương trình được triển khai thực hiện ở 100% cơ sở giáo dục mầm non đã tác động tích cực đến chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

So với năm học 2010 - 2011, năm học 2024 - 2025 tỉ lệ trẻ học 2 buổi/ngày trên cả nước đã tăng 22,3%; tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trên toàn quốc đã giảm 4,8%; tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm 3,3% (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

c. Mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất

Mạng lưới trường lớp mầm non được củng cố, mở rộng, đa dạng hoá về loại hình, mô hình và phân bố đến hầu hết các địa bàn dân cư xã, phường, thôn, bản, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Năm học 2023-2024, toàn quốc có 15.256 trường mầm non (tăng 2.280 trường so với năm học 2010-2011), trong đó có 3.175 trường mầm non dân lập, tư thục (tăng 1.736 trường) và 17.444 cơ sở giáo dục mầm non độc lập, đảm nhiệm việc chăm sóc, giáo dục hơn 1.407.828 trẻ em mầm non, chiếm 27,4% số trẻ đi học trong toàn hệ thống. Các mô hình trường học chất lượng cao, trường học tiên tiến đã được triển khai tại một số thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh. Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tăng hằng năm, đạt 59,5%, tăng 40,6 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Cả nước hiện nay có 205.437 phòng học chung, trong đó phòng kiên cố đạt 85,1% (tăng 31,5%); phòng học tạm, mượn còn 3,4% (giảm 13.259 phòng/9,9%) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

d. Đội ngũ giáo viên mầm non

Chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non được bổ sung phù hợp với đặc thù của giáo viên mầm non (giáo viên thuộc đối tượng hợp đồng lao động, được chuyển xếp lương và hưởng chế độ như giáo viên là viên chức; giáo viên dạy 2 buổi/ngày tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép ở các điểm trường lẻ, dạy tăng cường tiếng Việt tại các điểm lẻ thuộc các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp được hưởng chế độ phụ cấp; giáo viên mầm non dân lập, tư thục được hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn; các chính sách về lương, phụ cấp cho đội ngũ giáo viên mầm non công lập nói chung...) đã góp phần quan trọng giúp cho đội ngũ giáo viên mầm non ổn định thu nhập, cơ bản đảm bảo cuộc sống, yên tâm công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và đảm bảo an toàn cho trẻ em mầm non, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, thúc đẩy giáo dục mầm non phát triển (Chính phủ, 2020).

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các thông tư về quản lý chuyên môn giáo dục, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non: Khung vị trí việc làm; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương; thăng hạng chức danh, các chuẩn nghề nghiệp, các chương trình bồi dưỡng thường xuyên và quy chế bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên mầm non. Các văn bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục mầm non tại địa phương phát triển đội ngũ.

Đội ngũ giáo viên mầm non đã tăng nhanh về số lượng, từng bước được nâng cao về chất lượng: Năm học 2023 - 2024 toàn ngành có 384.947 giáo viên mầm non, Tỉ lệ giáo viên/lớp đạt 1,87 giáo viên/lớp (tăng gần 200.000 giáo viên); giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên đạt 91,0%, trong đó: trình độ đào tạo trên chuẩn là 67,6%; năng lực sư phạm của giáo viên mầm non cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Hầu hết giáo viên mầm non có lòng yêu nghề, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Năng lực sư phạm của giáo viên mầm non từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý đã tham mưu tích cực và hiệu quả cho cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong việc xây dựng, phát triển giáo dục mầm non, xây dựng trường học hạnh phúc, phù hợp với điều kiện và văn hóa của địa phương.

đ. Đầu tư tài chính

Điều 96 Luật Giáo dục quy định: Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách; Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục được phân bổ theo nguyên tắc công khai, dân chủ, căn cứ vào quy mô giáo dục, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của từng vùng và bảo đảm để thực hiện phổ cập giáo dục, phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, trong thực tế, ở giai đoạn 2011-2020, Nhà nước chỉ phân bổ được từ 17,4% đến 20,2% tổng ngân sách quốc gia cho giáo dục, trong đó duy nhất năm 2014 đạt 20,2% và tỉ lệ này đang có xu thế giảm dần (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024b).

3.2. Hạn chế, khó khăn của giáo dục mầm non

a. Cơ chế, chính sách, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non

Đầu tư cho phát triển giáo dục mầm non chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của bậc học

Mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân; cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục mầm non. Các chính sách còn những điểm chưa phù hợp với đặc thù của các vùng, miền; Chính sách phát triển đội ngũ bất cập, gây nên tình trạng thiếu giáo viên kéo dài. Thiếu nguồn lực tài chính để đảm bảo thực hiện hiệu quả các chính sách về trẻ em và phát triển giáo dục mầm non trên bình diện quốc gia, của ngành và tại các địa phương. Từ năm 2010 đến năm 2017, mức chi cho giáo dục mầm non có tăng lên nhưng chi thường xuyên cho giáo dục mầm non thấp hơn giáo dục tiểu học là 14%, thấp hơn giáo dục trung học cơ sở là 6%. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024b)

b. Chương trình Giáo dục mầm non chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới

Chương trình Giáo dục mầm non được Ban hành năm 2009 kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT. Đến nay Chương trình Giáo dục mầm non đã được thực hiện ở 100% cơ sở giáo dục mầm non trong toàn quốc, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em mầm non. Tuy nhiên, Chương trình này chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; thực tiễn cho thấy vẫn còn những khó khăn bất cập trong triển khai thực hiện Chương trình; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ chưa đồng đều, đặc biệt ở đối tượng trẻ em khuyết tật, trẻ em thuộc nhóm có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em sống ở vùng khó khăn, trẻ em người đồng bào dân tộc thiểu số có một số lĩnh vực chỉ số phát triển của trẻ còn khá thấp.

c. Mạng lưới trường lớp chưa đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục mầm non

Công tác quy hoạch trường lớp còn có nhiều bất cập, hệ thống trường mầm non công lập hiện có không đủ sức thu nhận thêm trẻ, hệ thống trường ngoài công lập khó phát triển ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; cơ sở mầm non độc lập còn hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất; ở địa bàn có khu công nghiệp và khu đông dân cư thiếu trường, lớp mầm non (Lê Khánh Tuấn, 2021; Nguyễn Đình Tuấn, 2022). Mạng lưới trường lớp chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ; tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi ở một số địa bàn thấp (vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số), chưa đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024b).

d. Đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non

Theo tổng hợp, đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024b):

Tình trạng thiếu giáo viên tồn tại nhiều năm chưa được khắc phục: Nhiều địa phương, thiếu chỉ tiêu biên chế, công tác tuyển dụng chậm, thời gian tuyển dụng kéo dài; Tỷ lệ giáo viên/lớp mới đạt bình quân 1,86 giáo viên/lớp (định mức quy định tối đa 2,5 giáo viên/lớp đối với nhà trẻ và 2,2 giáo viên/lớp đối với mẫu giáo).

Còn một bộ phận giáo viên chậm đổi mới phương pháp giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024b).

Chính sách tiền lương, hỗ trợ cho giáo viên còn thấp so với đặc thù công việc của cấp học Mầm non. Giáo viên mầm non làm thêm giờ nhiều nhưng không được trả tiền thêm giờ; một số giáo viên dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp 1 không được hỗ trợ vì không có chế độ, hoặc có nơi được vận dụng chi trả phụ cấp nhưng ở mức khá thấp. Giáo viên cắm bản tại các điểm trường, nhiều nơi không có nhà công vụ, cuộc sống gặp nhiều khó khăn.

Áp lực đối với giáo viên mầm non rất lớn: Giáo viên mầm non phải thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi, chưa tự chăm sóc được bản thân, dễ gây mất an toàn, đòi hỏi giáo viên phải có trách nhiệm, năng lực và kỹ năng rất cao trong hoạt động giáo dục, phải gánh vác hết trách nhiệm của người giám hộ của trẻ em; thời gian làm việc trong ngày kéo dài tới 9-12 tiếng (dài hơn quy định của Luật Lao động từ 1 đến 4 tiếng do phải đón trẻ sớm, trả trẻ muộn) và 5 ngày/1 tuần; nhiều nơi, tại các điểm lẻ, chỉ có 1 giáo viên/lớp, giáo viên phải kiêm cả nhiệm vụ đón và trả trẻ tại nhà (vì một số phụ huynh không có điều kiện để đưa đón con của họ); không ít giáo viên phải kiêm nhiệm thêm cả việc của nhân viên trường học.

đ. Cơ sở vật chất, thiết bị còn khó khăn, hạn chế

Tỷ lệ phòng học kiên cố mới đạt 85,1%, còn gần 3000 phòng học tạm và học nhờ/mượn; qua rà soát số phòng học bán kiên cố và tạm cần thay thế khoảng 20.085 phòng; đồ chơi ngoài trời, thiết bị dạy học tối thiểu trong lớp ở các trường mầm non cũng thường xuyên xuống cấp, hỏng hóc, thiếu hụt phải bổ sung thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

3.3. Đề xuất các giải pháp thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Trên cơ sở kết quả đánh giá thực trạng phát triển giáo dục mầm non, tác giả đề xuất các giải pháp để đạt mục tiêu Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội “Đến năm 2030: 100% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi” như sau:

3.3.1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đối với giáo dục mầm non

Sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục, bổ sung quy định phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; ban hành văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Bảo đảm chế độ chính sách đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non:

- Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách và nâng mức hỗ trợ ở chính sách hiện hành đối với trẻ em mẫu giáo phù hợp với thực tiễn;

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Nhà giáo. Ban hành cơ chế tuyển dụng, hợp đồng giáo viên cho các cơ sở giáo dục mầm non theo hướng linh hoạt, chủ động để bố trí kịp thời đội ngũ giáo viên dạy mẫu giáo. Ban hành cơ chế hợp đồng lao động chi trả từ nguồn xã hội hoá đối với các cơ sở giáo dục mầm non nơi có điều kiện; ưu tiên chỉ tiêu biên chế cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng kinh tế, xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển, hải đảo,... Rà soát, xây dựng và ban hành các chính sách cho đội ngũ giáo viên mầm non để đảm bảo ổn định đời sống, giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó và cống hiến cho cấp học Mầm non; Bảo đảm chế độ làm việc của giáo viên mầm non theo Luật Lao động, định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập phù hợp theo vùng, miền; có cơ chế chi trả chế độ lương, phụ cấp, hỗ trợ làm việc thêm giờ; chế độ hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số, giáo viên dạy vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn,... Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với đội ngũ cấp học mầm non theo các quy định của Nhà nước.

Xây dựng, ban hành Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi để đặt ra mục tiêu, lộ trình, kế hoạch thực hiện phổ cập phù hợp với thực

tiễn của các địa phương; ưu tiên ngân sách chi cho phát triển giáo dục mầm non trong phạm vi ngân sách được giao theo phân cấp; có cơ chế để huy động nguồn lực, lồng ghép kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững và các chương trình đề án khác để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học đảm bảo theo lộ trình phổ cập.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công theo hướng ưu tiên các dự án xây dựng cơ sở giáo dục mầm non tại khu công nghiệp, khu đông dân cư, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn hoặc sử dụng một phần kinh phí trích từ nguồn kinh phí thu từ khu công nghiệp để tái đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức quản lý, điều hành hoạt động theo hình thức đối tác công tư.

Có chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập và thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục mầm non: Xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện chuyển đổi một số cơ sở giáo dục mầm non công lập theo cơ chế “Trường công, quản lý tư” ở những nơi có khả năng xã hội hoá; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non theo phương thức đối tác công tư; tháo gỡ các bất cập trong các quy định hiện hành về quy hoạch, đất đai (ban hành các quy định đặc thù trong việc ưu đãi đất, cho thuê đất và tài sản công phù hợp với Luật Quy hoạch); giảm các thủ tục hành chính về đầu tư trong giáo dục; tăng cường các mô hình liên kết, hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài về giáo dục mầm non.

3.3.2. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non; thực hiện đào tạo theo địa chỉ, theo vùng miền để cân đối và khắc phục tình trạng thiếu giáo viên; bảo đảm nguồn giáo viên để tuyển dụng đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển, hải đảo.

- Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ số và đào tạo trực tuyến trong hoạt động giảng dạy và học tập, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên. Chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là bồi dưỡng các phương pháp thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non.

3.3.3. Đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Xây dựng Chương trình Giáo dục mầm non mới với mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức giáo dục đổi mới theo định hướng phát triển năng lực; tiếp cận quyền trẻ em, lấy trẻ em làm trung tâm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trên cơ sở ứng dụng hệ sinh thái số. Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục.

Triển khai có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở phát triển tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người dân tộc thiểu số; tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện; Tiếp tục triển khai các phương thức giáo dục hòa nhập.

Thực hiện các giải pháp đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

Xây dựng, nhân rộng và nâng cao chất lượng các mô hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; nâng cao năng lực của cha mẹ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc bồi dưỡng giáo viên; học tập, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới nội dung Chương trình Giáo dục mầm non; chủ động

tham gia các hoạt động trao đổi, chia sẻ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi với các tổ chức mạng lưới giáo dục mầm non trong khu vực và các nước tiên tiến trên thế giới.

3.3.4. Bố trí, sắp xếp mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Bố trí, sắp xếp mạng lưới trường, lớp theo hướng chuẩn hóa để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, dành quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với thực tế địa phương, đáp ứng nhu cầu đưa trẻ em mẫu giáo đi học.

Ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các xã, huyện, thị trấn thuộc miền núi, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh các giải pháp phát triển trường lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục con công nhân, người lao động ở khu vực có khu công nghiệp, khu đông dân cư.

Đầu tư xây dựng đủ phòng học, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non.

3.3.5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các địa phương; phối hợp liên ngành; đẩy mạnh truyền thông trong triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong việc phát triển giáo dục mầm non, triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đưa mục tiêu đạt chuẩn phổ cập vào chương trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch, chính sách của địa phương để hoàn thành mục tiêu phổ cập.

Chú trọng công tác phối hợp, đề cao trách nhiệm của các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các cơ sở giáo dục mầm non và gia đình trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập, nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án phổ cập bảo đảm thực chất, hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội. Phát huy các sáng kiến của cộng đồng, động viên các bậc phụ huynh đưa trẻ đến trường, lớp để thực hiện phổ cập.

4. Kết luận

Thực hiện chủ trương phát triển giáo dục mầm non giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong đó đề ra mục tiêu “Đến năm 2030: 100% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi”. Tuy nhiên, giáo dục mầm non còn gặp nhiều khó khăn cần giải quyết. Từ

kết quả nghiên cứu thực trạng phát triển giáo dục mầm non, tác giả đã đề xuất các giải pháp thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội. Để các giải pháp phát huy hiệu quả trong thời gian tới chính phủ cần sớm ban hành các văn bản bổ sung cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non đồng thời thực hiện phân cấp, phân quyền và có chế tài để các địa phương thực hiện các giải pháp được đề xuất.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024a). *Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non*, Báo cáo số 219/Bc-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2024 gửi Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024b). *Báo cáo phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2024*, Tài liệu kèm theo công văn số 7166/BGDĐT-GDMN ngày 11 tháng 11 năm 2024 gửi Bộ Tư pháp.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non hiện hành*, Tài liệu kèm theo Công văn số 2888/BGDĐT-GDMN ngày 06 tháng 6 năm 2025 gửi Bộ Tư pháp.
- Chính phủ. (2017). *Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*.
- Chính phủ. (2020). *Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non*.
- OECD. (2021). *Starting Strong VI*, pp.3- 5.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*.
- Quốc hội. (2016). *Luật Trẻ em số 102/2016/QH13*.
- Quốc hội. (2025). *Nghị quyết số 218/2025/QH15*.
- Văn phòng Chính phủ. (2024). *Thông báo số 173/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại phiên họp của Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo về đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Lê Khánh Tuấn. (2021). Phát triển cơ sở giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 43, tr.49-54.
- Nguyễn Đình Tuấn. (2022). Tiếp cận giáo dục mầm non của trẻ em trong gia đình lao động di cư làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 10 (178), tr.41-53.